

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHỢ GẠO  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **44/2021/HS-ST**  
Ngày: 04-6-2021.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO – TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Mai Thị Đào Oanh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Ông Nguyễn Hoa Kiều;

2/ Ông Trương Hoàng Hoa;

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Đỗ Thanh Phong - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Phương Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 29/2021/TLST - HS ngày 20 tháng 4 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2021/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2021/HSST-QĐ ngày 17 tháng 5 năm 2021 đối với bị cáo:

**Võ Văn A (Không có tên gọi khác)**, sinh năm 1980, tại tỉnh Tiền Giang; Giới tính: Nam; CMND: 311591195; Quê quán: Ấp M, xã N, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang; Nơi cư trú: Ấp M, xã N, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 8/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Võ Văn A1, sinh năm 1962 và bà Đoàn Thị Kim A2, sinh năm 1962; Bchị em ruột có 02 người, bị cáo là con lớn nhất trong gia đình; Vợ Phạm Thị Trúc A3, sinh năm 1985 (đã ly hôn); Con: có 01 con tên Võ Thanh A4, sinh năm 2004; Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

- Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 03/11/2020 cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

\* Người bị hại:

1/ Anh Nguyễn Bảo B– sinh năm 2001 (có mặt)

2/ Chị Phạm Thị Hồng C - sinh năm 1998 (có đơn xin vắng mặt).

Cùng cư trú: Ấp M, xã N, huyện X, tỉnh Tiền Giang.

\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Phạm Thị Thùy D – sinh năm 1985 (vắng mặt);

Cư trú: Ấp M1, xã N1, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Do cần tiền trả nợ nên bị cáo Võ Văn A nảy sinh ý định đến nhà ông Nguyễn Văn E để lấy trộm tài sản, do A biết ông E vừa cưới vợ cho con trai nên nghĩ sẽ có nhiều tài sản. Để thực hiện ý định trên, khoảng 09 giờ ngày 31/10/2020, bị cáo A đi bộ một mình đến nhà ông E, thấy cửa nhà sau chỉ khép hờ, không người trông coi nên A mở cửa đi vào nhà và mở cửa phòng ngủ của bị hại anh Nguyễn Bảo B và chị Phạm Thị Hồng C, bị cáo lục tìm tài sản trong tủ kệ bằng nhựa thì phát hiện và lấy số tài sản gồm: 01 kiềng vàng 24K có trọng lượng 03 chỉ; 01 lắc tay vàng 24K có trọng lượng 02 chỉ; 01 đôi bông tai vàng 24K có trọng lượng 01 chỉ; 01 dây chuyền vàng 24K có trọng lượng 02 chỉ; 01 dây chuyền vàng 18K có trọng lượng 4,61 chỉ. Sau khi lấy trộm số vàng trên thì A đem bán cho tiệm vàng Hoàng Nam do chị Phạm Thị Thùy D làm chủ được số tiền 54.170.000 đồng, số tiền trên bị cáo A đã đem trả nợ hết.

Theo kết luận định giá tài sản số 116/KL-ĐGTS ngày 02/11/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự xác định:

- + 01 kiềng vàng 24K, trọng lượng 03 chỉ, trị giá 16.155.000 đồng.
- + 01 lắc tay vàng 24, trọng lượng 02 chỉ, trị giá 10.770.000 đồng.
- + 01 đôi bông tai vàng 24K, trọng lượng 01 chỉ, trị giá 5.385.000 đồng.
- + 01 sợi dây chuyền vàng 24K, trọng lượng 02 chỉ, trị giá 10.770.000 đồng.
- + 01 sợi dây chuyền vàng 18K, trọng lượng 4,61 chỉ, trị giá 17.375.090 đồng.

Tổng giá trị tài sản là: 60.455.090 đồng.

Vật chứng trong vụ án: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ:

- + 01 túi nylông màu vàng, kích thước (20x30)cm, có in chữ màu đỏ “Giày dép PHONG”;
- + 01 hộp bằng vải màu đỏ, dạng hình tròn, đường kính 19cm, cao 02 cm;
- + 02 hộp nhựa màu hồng, dạng hình tròn đường kính 08cm, cao 1,5cm;
- + 01 hộp nhựa màu đỏ, dạng hình tròn, đường kính 3,5cm, cao 1,5cm, có in chữ “Tiệm vàng Ngọc Tươi”;

Đối với số vàng gồm: 01 kiềng vàng 24K, trọng lượng 03 chỉ; 01 lắc tay vàng 24K, trọng lượng 02 chỉ; 01 đôi bông tai vàng 24K, trọng lượng 01 chỉ; 01 dây chuyền vàng 24K, trọng lượng 02 chỉ và 01 dây chuyền vàng 18K, trọng

lượng 4,61 chỉ, sau khi bị cáo bán cho tiệm vàng Hoàng Nam thì chị D đã tiến hành nung chảy cùng với số vàng khác nên không thu hồi được.

Trách nhiệm dân sự: Bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường số vàng bị mất là 70.000.000 đồng. Bị cáo đồng ý bồi thường, hiện tại đã bồi thường được số tiền 20.000.000 đồng.

Ngoài ra, theo bị hại khai cùng ngày 31/10/2020 ngoài tài sản bị mất trộm nêu trên thì còn bị mất 01 nhẫn trơn vàng 24K, trọng lượng 01 chỉ. Tuy nhiên, bị cáo A không thừa nhận lấy trộm nhẫn vàng này. Qua làm việc và kiểm tra số vàng mà bị cáo bán cho chị D chủ tiệm vàng thì không có chiếc nhẫn vàng 24K, trọng lượng 01 chỉ nêu trên nên không có cơ sở buộc tội bị cáo A lấy trộm 01 chiếc nhẫn trơn vàng 24K, trọng lượng 01 chỉ. Nhưng bị cáo tự nguyện bồi thường giá trị chiếc nhẫn vàng này cho hại hại trong tổng số tiền 70.000.000 đồng.

Đối với chị D (chủ tiệm vàng Hoàng Nam) là người mua vàng của bị cáo, chị D không biết số vàng mà bị cáo bán là do trộm cắp mà có nên không có cơ sở xử lý chị D về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại Điều 323 Bộ luật hình sự.

Đối với người mà bị cáo A đã dùng tiền có được từ việc bán vàng lấy trộm để trả nợ, do A vay tiền nóng bên ngoài (không rõ, họ, tên địa chỉ cụ thể) nên Cơ quan điều tra không triệu tập làm việc được. Đồng thời, khi A trả nợ không có nói nguồn gốc số tiền do trộm vàng bán mà có, do đó không có cơ sở xử lý hình sự về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại Điều 323 Bộ luật hình sự.

\* **Tại phiên tòa:** Bị cáo A khai nhận vào khoảng 09 giờ ngày 31/10/2020 bị cáo đã đến nhà ông E (cha của bị hại Bảo Anh) chơi, do không có người ở nhà, đồng thời nhà không khóa cửa rào và cửa sau, nên bị cáo lấy trộm vàng cưới của anh Bảo B và chị Hồng C gồm 01 kiềng vàng 24K, trọng lượng 03 chỉ; 01 lắc tay vàng 24K, trọng lượng 02 chỉ; 01 đôi bông tai vàng 24K, trọng lượng 01 chỉ; 01 dây chuyền vàng 24K, trọng lượng 02 chỉ và 01 dây chuyền vàng 18K, trọng lượng 4,61 chỉ. Sau khi trộm được số vàng trên, bị cáo bán cho tiệm vàng Hoàng Nam được 54.170.000 đồng, số tiền này bị cáo đã đem trả nợ cho những người cho vay tiền nóng bên ngoài. Đối với chiếc nhẫn trơn 01 chỉ vàng 24K mà bị hại cho rằng đã mất cùng với tài sản nêu trên thì bị cáo không lấy trộm. Về trách nhiệm dân sự bị cáo đồng ý bồi thường số tiền 70.000.000 đồng cho bị hại, bị cáo đã bồi thường số tiền 20.000.000 đồng, số tiền còn lại bị cáo đồng ý bồi thường tiếp cho bị hại.

Bị hại anh Bảo B thống nhất số vàng cưới của anh và chị C bị mất gồm 01 kiềng vàng 24K, trọng lượng 03 chỉ; 01 lắc tay vàng 24K, trọng lượng 02 chỉ; 01 đôi bông tai vàng 24K, trọng lượng 01 chỉ; 01 dây chuyền vàng 24K, trọng lượng 02 chỉ và 01 dây chuyền vàng 18K, trọng lượng 4,61 chỉ. Giữa bị cáo và gia đình anh đã thống nhất thỏa thuận bị cáo bồi thường 70.000.000 đồng đối

với số vàng mà bị cáo đã lấy nêu trên, gia đình anh đã nhận số tiền 20.000.000 đồng mà bị cáo bồi thường, số tiền còn lại anh yêu cầu bị cáo tiếp tục bồi thường. Đối với chiếc nhẫn trơn 01 chỉ vàng 24K mà anh bị mất trộm, qua điều tra xác định bị cáo không có lấy chiếc nhẫn nêu trên nên anh không yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét. Đồng thời anh đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đối với các hộp đựng nữ trang mà gia đình anh giao nộp cho cơ quan điều tra, do không còn giá trị sử dụng nên anh không yêu cầu nhận lại.

Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; Điều 38; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo A từ 02 năm đến 03 năm tù. Về xử lý vật chứng, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy. Về trách nhiệm dân sự, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại, buộc bị cáo bồi thường tiếp cho bị hại số tiền 50.000.000 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Chợ Gạo, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo A đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo, lời khai của bị cáo phù hợp với biên bản ghi lời khai của bị hại và của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; biên bản xác định nhận dạng đồ vật tài sản bị trộm; biên bản khám nghiệm hiện trường; Biên bản thực nghiệm điều tra; Biên bản nhận dạng và Kết luận định giá tài sản. Do đó, có đủ cơ sở kết luận: Do cần tiền để trả nợ và biết nhà ông E không có người trông coi nên bị cáo A đã lén vào phòng ngủ của vợ chồng anh Bảo B (con trai của ông E) và chị Hồng C lục tìm tài sản và lấy trộm số vàng gồm 01 kiềng vàng 24K, trọng lượng 03 chỉ; 01 lắc tay vàng 24K, trọng lượng 02 chỉ; 01 đôi bông tai vàng 24K, trọng lượng 01 chỉ; 01 dây chuyền vàng 24K, trọng lượng 02 chỉ và 01 dây chuyền vàng 18K, trọng lượng 4,61 chỉ. Tổng giá trị tài sản mà bị cáo A đã lấy trộm là 60.455.090 đồng. Hành vi phạm tội của bị cáo A đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[3] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: Bị cáo A không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo A đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đồng thời bị cáo A đã bồi thường 01 phần thiệt hại, khắc phục một phần hậu quả, bị hại đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo khi quyết định hình phạt. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, hành vi đó đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của bị hại và gây hoang mang trong nhân dân nơi tội phạm xảy ra do đó cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo nhằm phòng ngừa tội phạm chung và giáo dục, răn đe đối với bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo và bị hại đã thống nhất thỏa thuận bồi thường số tiền 70.000.000 đồng. Bị cáo đã bồi thường số tiền 20.000.000 đồng, còn lại số tiền 50.000.000 đồng bị cáo phải có nghĩa vụ bồi thường tiếp cho bị hại anh Bảo B và chị C.

[5] Về xử lý vật chứng: Đối với số vàng bị cáo A lấy trộm và bán cho tiệm vàng Hoàng Nam, do chủ tiệm vàng đã nung chảy cùng với số vàng khác nên không thu giữ được là đúng quy định pháp luật.

Đối với 01 túi ny lon màu vàng, kích thước (20x30)cm, có in chữ màu đỏ “Giày dép PHONG”; 01 hộp bằng vải màu đỏ, dạng hình tròn, đường kính 19cm, cao 02 cm; 02 hộp nhựa màu hồng, dạng hình tròn đường kính 08cm, cao 1,5cm; 01 hộp nhựa màu đỏ, dạng hình tròn, đường kính 3,5cm, cao 1,5cm, có in chữ “Tiệm vàng Ngọc Tươi”, tại phiên tòa bị hại Bảo B xác định các hộp đựng vàng nêu trên không còn sử dụng nên không yêu cầu nhận lại. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định tịch thu tiêu hủy.

[6] Đối với chị D (chủ tiệm vàng Hoàng Nam) là người mua vàng của bị cáo, chị D không biết số vàng mà bị cáo bán là do trộm cắp mà có nên không có cơ sở xử lý chị D về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại Điều 323 Bộ luật hình sự là đúng quy định pháp luật.

[7] Đối với người mà bị cáo A đã dùng tiền có được từ việc bán vàng lấy trộm để trả nợ, do A vay tiền nóng bên ngoài (không rõ, họ, tên địa chỉ cụ thể) nên Cơ quan điều tra không triệu tập làm việc được. Đồng thời, khi A trả nợ không có nói nguồn gốc số tiền do trộm vàng bán mà có, do đó không có cơ sở xử lý hình sự về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại Điều 323 Bộ luật hình sự là đúng quy định pháp luật.

[8] Xét đề nghị truy tố của đại diện Viện kiểm sát đối với các bị cáo Võ Văn A là có căn cứ và phù hợp với nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 23 và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Tuyên bố bị cáo **Võ Văn A** phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự;

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; Điều 38; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**1/ Xử phạt:** Bị cáo Võ Văn A **02 (hai) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giam 03/11/2020.

**2/ Về trách nhiệm dân sự:** Bị cáo A có nghĩa vụ bồi thường tiếp cho bị hại anh Bảo B và chị C số tiền 50.000.000 đồng.

Kể từ ngày anh Bảo B và chị C có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị cáo A không bồi thường số tiền nêu trên thì bị cáo A còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

### **3/ Về xử lý vật chứng:**

Tịch thu tiêu hủy 01 túi ny lon màu vàng, kích thước (20x30)cm, có in chữ màu đỏ “Giày dép PHONG”; 01 hộp bằng vải màu đỏ, dạng hình tròn, đường kính 19cm, cao 02 cm; 02 hộp nhựa màu hồng, dạng hình tròn đường kính 08cm, cao 1,5cm; 01 hộp nhựa màu đỏ, dạng hình tròn, đường kính 3,5cm, cao 1,5cm, có in chữ “Tiệm vàng Ngọc Tươi”.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 21/4/2021)

**4/ Về án phí:** Bị cáo A phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 2.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

**5/ Kể từ ngày tuyên án bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại chị C được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án.**

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- CA huyện Chợ Gạo;
- Chi cục THADS huyện Chợ Gạo;
- Bị cáo, bị hại, người liên quan;
- Lưu HS, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Mai Thị Đào Oanh**